

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 823/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 11-7-2022

V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huyền Tôn Nữ Kiều Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lâm Thị Nga;
2. Bà Nguyễn Thị Thuần;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 785/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2021 về “Tranh chấp về ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 389/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 474/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Tôn Nữ Thị X, sinh năm: 1977

Thường trú: 123/15/1 đường TTH21, Tổ 8, Khu phố 2, phường TTH, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Phan Văn Hưng Th, sinh năm: 1975

Thường trú: 123/15/1 đường TTH21, Tổ 8, Khu phố 2, phường TTH, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, các bên đương sự trình bày:

* Về nội dung, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 05 tháng 5 năm 2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Tôn Nữ Thị X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phan Văn Hưng Th đăng ký kết hôn năm 2003 tại Ủy ban nhân dân (Sau đây gọi tắt là UBND) phường ThB, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, Giấy chứng nhận kết hôn số 11, quyển số 01/2003 cấp ngày 07/02/2003.

Vợ chồng bà chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông Th sống không có trách nhiệm với gia đình và con cái, một mình bà phải lo cho các con. Vợ chồng bà đã ly thân từ năm 2013 đến nay. Năm 2019, bà cũng đã từng nộp đơn xin ly hôn nhưng rút đơn để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được. Nay, bà yêu cầu được ly hôn với ông Th.

Về con chung: Bà X xác định, bà và ông Th có 02 con chung tên Phan Thị Thanh Ng, sinh ngày 03/01/2004 và Phan Văn Thành Đ, sinh ngày 23/10/2012. Bà yêu cầu trực tiếp nuôi các con và không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Bà X xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về ý kiến, đề nghị của bị đơn:

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Phan Văn Hưng Th không đến Tòa án, cũng không gửi văn bản trả lời về nội dung đơn kiện mặc dù đã được Tòa án nhân dân Quận 12 tổng đạt thông báo thụ lý và triệu tập đến tòa để giải quyết vụ kiện.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 12 tham gia phiên tòa có ý kiến như sau :

Về thủ tục tố tụng: Thủ tục khởi kiện và thụ lý vụ án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền. Việc tổng đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử tuân theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Ngoài ra còn nhận xét về việc tham gia tố tụng của các đương sự.

Về nội dung: Giữa bà Tôn Nữ Thị X và ông Phan Văn Hưng Th đã xảy ra mâu thuẫn từ lâu, ông Th đã được triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt thể hiện việc ông Th không mong muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng. Bà X yêu cầu được nuôi các con là phù hợp với ý kiến của trẻ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Bà Tôn Nữ Thị X nộp đơn xin ly hôn với ông Phan Văn Hưng Th nên đây là “Tranh chấp về ly hôn”. Bị đơn đang thực tế cư trú tại Quận 12, Thành phố Hồ

Chí Minh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] *Về thủ tục tố tụng:*

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do, theo quy định tại các điểm a và b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] *Về yêu cầu của đương sự:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Tôn Nữ Thị X và ông Phan Văn Hưng Th tự nguyện tìm hiểu, kết hôn năm 2003, có đăng ký tại UBND phường ThB, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, Giấy chứng nhận kết hôn số 11, quyển số 01/2003 cấp ngày 07/02/2003 là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên bà X có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”. Tuy nhiên, qua lời khai của bà X thì giữa bà và ông Th thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông Th sống không có trách nhiệm với gia đình và con cái, một mình bà phải lo cho các con. Vợ chồng bà đã ly thân từ năm 2013 đến nay. Năm 2019, bà cũng đã từng nộp đơn xin ly hôn nhưng rút đơn để hàn gắn tình cảm. Kết quả xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân của bà X và ông Th như sau: “Bà Tôn Nữ Thị X và ông Phan Văn Hưng Th đã xảy ra mâu thuẫn từ nhiều năm nay, ông Th không có trách nhiệm với gia đình, kinh tế không có gì để tiếp vợ lo cho gia đình còn hay chửi bới khủng bố tinh thần bà X. Đã ly thân 10 năm. Đến nay thì không còn hòa giải được”. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông Th không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình chứng tỏ ông không có thiện chí cũng không có mong muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng.

Từ những nhận định trên, xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Tôn Nữ Thị X và ông Phan Văn Hưng Th là gay gắt, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà X về việc xin ly hôn với ông Th cũng như ý kiến phát biểu của Viện Kiểm sát là có cơ sở nên chấp nhận.

Về con chung: Qua trình bày của bà X cùng xác minh của địa phương xác định, bà X và ông Th có hai con chung tên Phan Thị Thanh Ng, sinh ngày 03/01/2004 và Phan Văn Thành Đ, sinh ngày 23/10/2012. Bà yêu cầu trực tiếp nuôi các con và không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con. Bà X yêu cầu nuôi các con là phù hợp với ý kiến của trẻ. Do đó, để đảm bảo cho đời sống và sự phát triển bình thường của trẻ, thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà X, giao cho bà X trực

tiếp nuôi dưỡng trẻ Ng và trẻ Đ. Tạm hoãn việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Phan Văn Hưng Th cho đến khi có yêu cầu của một hoặc các bên.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Bà X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4] *Về án phí:*

Bà Tôn Nữ Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, căn trừ với tiền tạm ứng án phí đã nộp, bà X đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điểm a và b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Tôn Nữ Thị X được ly hôn với ông Phan Văn Hưng Th (Giấy chứng nhận kết hôn số 11, quyển số 01/2003 do UBND phường ThB, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 07/02/2003);

1.2. Về con chung: Giao trẻ Phan Thị Thanh Ng, sinh ngày 03/01/2004 và Phan Văn Thành Đ, sinh ngày 23/10/2012 cho bà Tôn Nữ Thị X trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Phan Văn Hưng Th cho đến khi một hoặc hai bên có yêu cầu;

1.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí:

Bà Tôn Nữ Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng. Bà X đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2021/0022401 ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh nên được căn trừ. Bà X đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30

Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân Quận 12;
- UBND phường ThB, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huyền Tôn Nữ Kiều Hạnh